

Số: ~~495~~ /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án “Nghiên cứu và ứng dụng mô hình Kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Thực hiện Thông báo Kết luận số 288-TB/TU ngày 29/4/2021 của Thường trực Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc triển khai dự án nhà máy nước sinh hoạt và phát triển mô hình Kinh tế tuần hoàn trên địa bàn huyện Côn Đảo;

Thực hiện Công văn số 5411/UBND-VP ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc triển khai Thông báo kết luận số 288-TB/TU ngày 29/4/2021 của Thường trực Tỉnh ủy về việc triển khai dự án nhà máy nước sinh hoạt và phát triển mô hình Kinh tế tuần hoàn trên địa bàn huyện Côn Đảo;

Thực hiện Công văn số 7685/UBND-VP ngày 29/06/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc đồng ý chủ trương xây dựng đề án và thuê tư vấn lập đề án “Nghiên cứu và ứng dụng mô hình Kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021 – 2026”;

Căn cứ Quyết định số 3201/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí nhiệm vụ lập đề án “Nghiên cứu và ứng dụng mô hình Kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giai đoạn 2022 – 2026”;

Thực hiện Thông báo Kết luận số 565/TB-UBND ngày 16/8/2022 của Thường trực UBND tỉnh tại cuộc họp thông qua Đề án “Nghiên cứu và ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2022 – 2026”;

Thực hiện Công văn số 4311-CV/TU ngày 08/11/2022 của Thường trực Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu ý kiến về đề án “Nghiên cứu và ứng dụng mô hình Kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Thực hiện Thông báo Kết luận số 1401-TB/TU ngày 16/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đề án “Nghiên cứu và ứng dụng mô hình Kinh tế tuần

hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 03/TTr-SKHCN ngày 10/01/2023 và Tờ trình số 20/TTr-SKHCN ngày 28/02/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Đề án “Nghiên cứu và ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án “Nghiên cứu và ứng dụng mô hình Kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” với các nội dung chính sau:

1. Sự cần thiết

Huyện Côn Đảo là một địa điểm văn hóa du lịch có nhiều ý nghĩa lịch sử của cả nước, được Chính phủ đặc biệt quan tâm trong quy hoạch và phát triển, nhằm phát huy thế mạnh của đảo, đặc biệt phát triển khu kinh tế du lịch - dịch vụ chất lượng cao, độc đáo và hấp dẫn. Đặc biệt, Côn Đảo đang gặp phải một số vấn đề sau: (1) *Côn Đảo đang đứng trước những thách thức trong vấn đề xử lý rác thải.* Bãi rác Bãi Nhát có tổng diện tích khoảng 3.800m² hiện đã chứa hơn 70.000 tấn rác và diện tích còn lại chỉ còn khoảng 300m², trong khi mỗi ngày Côn Đảo hiện phát sinh khoảng 15 tấn rác thải. Bên cạnh đó, hiện tượng nước rỉ rác ngấm xuống đất, tác động đến chất lượng nước, hệ sinh thái dưới nước gần bãi rác. (2) *Thực trạng thiếu nước sinh hoạt, đặc biệt trong mùa cao điểm du lịch đe dọa toàn diện cuộc sống của người dân và ảnh hưởng tới sự phát triển ngành dịch vụ - du lịch của Côn Đảo.* Dân số và lượng du khách đến đảo đang gia tăng đột biến, kéo theo sự gia tăng về nhu cầu sử dụng nước. Trong khi đó, Côn Đảo đang phụ thuộc vào lượng nước được tích tụ chủ yếu vào mùa mưa ở các hồ chứa hiện nay. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến nguồn cung cấp nước trên toàn đảo; (3) *Hệ sinh thái quanh đảo đang có nguy cơ bị suy thoái do tác động của các hoạt động kinh tế và biến đổi khí hậu.* Những diễn biến bất thường của thời tiết đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động khai thác du lịch, giảm sản lượng sản xuất nông nghiệp, đồng thời ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn nước ngọt dự trữ.

Với tiềm năng, lợi thế của Côn Đảo cũng như trước những thách thức từ các nguyên nhân khách quan và chủ quan đang cản trở sự phát triển bền vững của Côn Đảo, việc tìm ra giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, thích nghi với biến đổi khí hậu và hài hòa với hệ sinh thái đặc trưng là nhiệm vụ chính trị hàng đầu.

Việc chuyển đổi sang mô hình Kinh tế tuần hoàn là xu hướng hiện nay trên thế giới, được Đảng và nhà nước quan tâm, thúc đẩy triển khai. Kinh tế tuần hoàn đang được xem là giải pháp tối ưu để phát huy các thế mạnh cũng như giải

tâm vào mối quan hệ hài hoà giữa môi trường sinh thái, công bằng xã hội và phát triển kinh tế. Kinh tế tuần hoàn đã được đề cập trong văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII như là một giải pháp cho phát triển bền vững, cụ thể Nghị quyết chỉ ra: “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”. Nghị quyết số 36-NQ/TW năm 2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nhấn mạnh mục tiêu đưa Việt Nam đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển; hình thành văn hoá sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng; cũng như áp dụng khoa học công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển. Vào ngày 07/10/2022 Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây mạnh áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi mô hình kinh tế xanh, Kinh tế tuần hoàn tại các địa phương, bao gồm Bà Rịa - Vũng Tàu được đề cập trong Nghị quyết như là những giải pháp pháp đột phá, phục vụ phát triển nhanh, bền vững.

Năm 2022, Thủ tướng chính phủ đã ký Quyết định số 687/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam đã nhấn mạnh quan điểm chủ động phát triển Kinh tế tuần hoàn là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG). Cùng với đó, thúc đẩy Kinh tế tuần hoàn góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Về phía tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã xác định nhiệm vụ phát triển du lịch theo hướng chất lượng cao; xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển, định vị thương hiệu du lịch tỉnh theo hướng nâng cao chất lượng trên bản đồ du lịch trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, thể hiện sự quan tâm rất lớn của các cấp lãnh đạo của tỉnh với sự phát triển bền vững của huyện Côn Đảo, nhiều công văn, chủ trương về việc đầu tư phát triển kinh tế Côn Đảo bền vững, theo mô hình Kinh tế tuần hoàn đã được ban hành như: Thông báo Kết luận số 288-TB/TU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Thường trực Tỉnh ủy về việc triển khai dự án nhà máy nước sinh hoạt và phát triển mô hình Kinh tế tuần hoàn trên địa bàn huyện Côn Đảo; Công văn số 5411/UBND-VP ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa

- Vũng Tàu về việc triển khai Thông báo kết luận số 288-TB/TU ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Thường trực Tỉnh ủy về việc triển khai dự án nhà máy nước sinh hoạt và phát triển mô hình Kinh tế tuần hoàn trên địa bàn huyện Côn Đảo; Công văn số 7685/UBND-VP ngày 29 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc đồng ý chủ trương xây dựng đề án và thuê tư vấn lập đề án “ Nghiên cứu và ứng dụng mô hình Kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

Như vậy, việc áp dụng mô hình Kinh tế tuần hoàn cho Côn Đảo một mặt có thể đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, mặt khác giữ gìn vệ sinh môi trường, phát huy các giá trị văn hóa, sinh thái, chủ động ứng phó với những thay đổi môi trường (bao gồm biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng) đáp ứng các yêu cầu, chủ trương phát triển bền vững, tăng trưởng Xanh mà Đảng và nhà nước đề ra. Từ những phân tích trên cho thấy, việc nghiên cứu áp dụng mô hình Kinh tế tuần hoàn cho huyện đảo Côn Đảo là một nhu cầu cấp thiết cần được xem xét thực hiện.

2. Tầm nhìn, định hướng, quan điểm

a) Tầm nhìn

Phát triển Côn Đảo thuận tự nhiên – Carbon thấp, hướng đến là điểm du lịch bền vững đẳng cấp thế giới.

b) Định hướng

- Áp dụng mô hình Kinh tế tuần hoàn nhằm giải quyết các vấn đề môi trường, hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội của huyện Côn Đảo.

- Cải thiện năng lực cạnh tranh của cụm ngành kinh tế chủ lực của huyện Côn Đảo hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và carbon thấp.

- Xác định nguồn lực tài chính cần thiết cho phát triển bền vững thông qua các mô hình kinh doanh theo quan điểm Kinh tế tuần hoàn hiệu quả.

c) Quan điểm

- Khai thác hiệu quả các nguồn lực của Côn Đảo phục vụ phát triển kinh tế bền vững thông qua áp dụng mô hình Kinh tế tuần hoàn.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong giải quyết các thách thức về ô nhiễm môi trường tạo tiền đề cho phát triển kinh tế bền vững.

- Khai thác hiệu quả các nguồn vốn xã hội và sức mạnh của cộng đồng trở thành nguồn lực quan trọng trong chiến lược phát triển.

- Định hướng phát triển bền vững cụm ngành kinh tế chủ lực của huyện Côn Đảo với ngành du lịch là trọng tâm, các ngành nông nghiệp, xây dựng, giao thông, tài chính là phụ trợ, hỗ trợ.

- Du lịch gắn với di tích lịch sử, văn hóa và tâm linh, môi trường sinh thái làm nền tảng, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp làm mũi nhọn.

- Căn cứ đặc điểm, nhu cầu thực tế và năng lực để đề xuất chiến lược và giải pháp hợp lý.

- Phát triển các giải pháp tích hợp trên nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm du lịch, giáo dục, nông nghiệp, bảo tồn thiên nhiên, công nghệ trong xử lý nước thải, rác thải, điện, các giải pháp chính sách hỗ trợ phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội, và môi trường theo các phân khu không gian.

3. Mục tiêu tổng quát

- Giải quyết các tồn tại và thách thức về vấn đề môi trường, năng lượng tại Côn Đảo hiện đang đối mặt dựa vào Kinh tế tuần hoàn, góp phần xây dựng được nền tảng thể chế, cơ sở hạ tầng và nguồn lực xã hội hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh cụm ngành kinh tế chủ lực, thúc đẩy phát triển du lịch chất lượng cao, thu hút đa dạng nguồn du khách, qua đó tăng doanh thu ngành du lịch cho Côn Đảo cũng như kéo theo sự phát triển bền vững của các cụm ngành kinh tế phụ trợ.

- Tái tạo nguồn vốn tự nhiên – con người và xã hội dựa trên cách tiếp cận theo mô hình Kinh tế tuần hoàn cho các hoạt động thực tế tại địa phương.

4. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2022-2025

Về môi trường

- Tăng cường các chương trình thu gom, xử lý và tái chế các loại chất thải nhằm tăng tỉ lệ tái chế chất thải rắn (nhằm cải thiện các chỉ số 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12¹). Mục tiêu đến năm 2025 tái sử dụng, tái chế, xử lý 85% lượng chất thải nhựa phát sinh; giảm dần sử dụng túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần trong sinh hoạt (đáp ứng theo Quyết định số 687/QĐ-TTg do Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam ngày 07/06/2022).

- Xây dựng các chương trình cung cấp nước sạch và tái sử dụng nước nhằm tăng tỉ lệ cấp nước sạch và tái sử dụng nước (liên quan các chỉ tiêu 2, 3). Mục tiêu tỉ lệ thu gom và xử lý nước mưa phục vụ sinh hoạt đạt 10%.

- Tăng tỉ lệ xử lý nước thải và tái sử dụng nước thải cho các mục đích khác nhau, mục tiêu đạt 10% (liên quan chỉ tiêu 10).

- Tỉ lệ sản xuất và tiêu thụ các nguồn nguyên vật liệu (ví dụ như thực phẩm) tại chỗ đạt 5% (liên quan chỉ tiêu 14, 19).

- Tăng số lượng phương tiện giao thông sử dụng năng lượng/nhiên liệu xanh (liên quan chỉ tiêu 1): Phần đầu đạt 80% xe vận tải hành khách thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh giai đoạn 2022 – 2025; Tỷ lệ phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh đạt tối thiểu 10% giai đoạn 2022 – 2025.

- Triển khai các chương trình trồng và phục hồi rạn san hô và các hệ sinh thái khác (liên quan chỉ tiêu 21, 22). Mục tiêu tăng diện tích trồng và phục hồi rạn san hô lên 3 - 4 ha.

¹ Các chỉ tiêu được trình bày trong phụ lục 1

- Triển khai dự án đánh giá sức tải môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đánh giá được mức độ vượt tải về không gian du lịch, môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội tại Côn Đảo. Đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội hài hoà với môi trường và thiên nhiên đảo.

Về Kinh tế

- Khuyến khích việc thu gom, sửa chữa, tân trang, tái sử dụng các sản phẩm đã qua sử dụng trên đảo (liên quan chỉ tiêu 15). Mục tiêu tỉ lệ thu gom, sửa chữa, tân trang, tái sử dụng các sản phẩm đã qua sử dụng cần đạt 10%.

- Đẩy mạnh các hoạt động xây dựng quy trình sản xuất, kinh doanh theo hướng Kinh tế tuần hoàn và cấp giấy chứng nhận cho các doanh nghiệp, mục tiêu đạt tỉ lệ 5% (liên quan chỉ tiêu 16, 17).

Về Xã hội, văn hóa - lịch sử

- Triển khai các chương trình truyền thông, tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao mức độ nhận thức chung về Kinh tế tuần hoàn và tăng số người được tập huấn/đào tạo về Kinh tế tuần hoàn (liên quan chỉ tiêu 24, 25, 26, 27). Mục tiêu 5-7 chương trình/năm.

- Xây dựng các chương trình, chính sách về Kinh tế tuần hoàn nhằm gia tăng số lượng chương trình, chính sách liên quan Kinh tế tuần hoàn (liên quan chỉ tiêu 27). Mục tiêu 2-5 chương trình, chính sách/năm.

- Tiến hành đánh giá mức độ tác động các dự án, chương trình phát triển của mỗi ngành đến việc bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử và sự hài lòng của người dân (liên quan chỉ tiêu 28). Mục tiêu tăng dần tác động tích cực và mức độ hài lòng của người dân thông qua kết quả khảo sát hàng năm (1-2 cuộc khảo sát).

b) Giai đoạn 2026-2030

Về môi trường

- Trong giai đoạn 2026-2030, mục tiêu tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thông qua các mô hình Kinh tế tuần hoàn đạt 50%, 100% rác thải hữu cơ (nhằm cải thiện các chỉ số 4, 5, 6, 7, 8, 9).

- Mục tiêu tỉ lệ thu gom và xử lý nước mưa phục vụ sinh hoạt đạt 10% (liên quan các chỉ tiêu 2, 3).

- Mục tiêu tỉ lệ xử lý nước thải và tái sử dụng nước thải cho các mục đích khác nhau đạt 10% (liên quan chỉ tiêu 2, 3).

- Tăng tỉ lệ sản xuất và tiêu thụ các nguồn nguyên vật liệu (ví dụ như thực phẩm) tại chỗ, đạt mục tiêu 10% (liên quan chỉ tiêu 14, 19).

- Tăng cường sử dụng xe gắn động cơ dùng năng lượng điện và các nguồn năng lượng tái tạo (liên quan chỉ tiêu 1). Mục tiêu số lượng xe ô tô điện phục vụ du lịch đạt 40 xe, số lượng xe đạp/máy điện 500 xe.

- Tăng tỉ lệ chương trình trồng và phục hồi rạn san hô (tăng thêm 3 ha) và các hệ sinh thái khác so với giai đoạn 2022-2025 (liên quan chỉ tiêu 21, 22).

- Tăng số lượng phương tiện giao thông sử dụng năng lượng/nhiên liệu xanh (liên quan chỉ tiêu 1): Phần đầu đạt 100% xe vận tải hành khách thay thế, đầu tư mới sử dụng điện, năng lượng xanh giai đoạn 2026 – 2030; Tỷ lệ phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh đạt 30% giai đoạn 2026 – 2030.

Về Kinh tế

- Khuyến khích việc thu gom, sửa chữa, tân trang, tái sử dụng các sản phẩm đã qua sử dụng trên đảo (liên quan chỉ tiêu 15). Mục tiêu cần đạt tỉ lệ 15%.

- Đẩy mạnh các hoạt động xây dựng quy trình sản xuất, kinh doanh theo hướng Kinh tế tuần hoàn và cấp giấy chứng nhận cho các doanh nghiệp đạt mức 10% (liên quan chỉ tiêu 16, 17).

Về Xã hội, văn hóa - lịch sử

- Triển khai các chương trình truyền thông, tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao mức độ nhận thức chung về Kinh tế tuần hoàn và tăng số người được tập huấn/ đào tạo về Kinh tế tuần hoàn (chỉ tiêu liên quan chỉ tiêu 24, 25, 26, 27). Mục tiêu 7-10 chương trình/năm.

- Xây dựng các chương trình, chính sách về KTTH nhằm gia tăng số lượng chương trình, chính sách liên quan Kinh tế tuần hoàn (liên quan chỉ tiêu 27).

- Tiến hành đánh giá mức độ tác động các dự án, chương trình phát triển của mỗi ngành đến việc bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử và sự hài lòng của người dân (liên quan chỉ tiêu 28). Mục tiêu tăng dần tác động tích cực và mức độ hài lòng của người dân thông qua kết quả khảo sát hàng năm (2-3 cuộc khảo sát hàng năm, tác động tích cực và hài lòng ở mức cao).

5. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Giáo dục nhận thức về kinh tế tuần hoàn

- Mỗi năm tổ chức 1-2 khoá tuyên truyền cho học sinh về bảo vệ môi trường và thực hành bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tuyên truyền giáo dục về bảo vệ môi trường cho người dân, chính quyền địa phương.

- Tuyên truyền thông qua trang mạng xã hội, truyền thông thường xuyên về môi trường Côn Đảo.

- Công khai minh bạch các thông tin tình hình về môi trường trên đảo.

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về mô hình Kinh tế tuần hoàn cho học sinh và người dân, chính quyền địa phương.

- Tổ chức các cuộc thi về sáng tạo trong phát triển các sản phẩm tuần hoàn.

- Tổ chức thường xuyên các khóa học về Kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững và cấp chứng chỉ cho cán bộ quản lý, nhân viên.

- Phối hợp xây dựng chương trình giới thiệu bảo vệ môi trường Côn Đảo thông qua các công ty lữ hành tới du khách.

- Triển khai các khóa đào tạo nâng cao nhận thức về du lịch bền vững, du lịch tuần hoàn, các khóa bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

b) Giảm thiểu rác thải, không rác thải nhựa

- Nâng cao năng lực thu gom và quản lý chất thải rắn tại Côn Đảo nhằm tăng tỉ lệ thu gom lên 100% thông qua đầu tư trang thiết bị, tuyên truyền về phân loại và tái chế rác đối với cán bộ quản lý, đội ngũ trực tiếp làm công tác thu gom và tái chế.

- Triển khai các chương trình tập huấn phân loại rác tới tận người dân, thực hiện thành công các cam kết phân loại rác tại nguồn.

- Triển khai giáo dục về ý thức cộng đồng và ý thức du khách thông qua các kênh truyền thông, mạng xã hội, tờ rơi tại các điểm du lịch, sân bay, bến tàu về công tác bảo vệ môi trường, cam kết không xả rác bừa bãi, hạn chế sử dụng nhựa một lần và túi nilon.

- Ban hành các chính sách quy định các công ty lữ hành, vận tải trong việc tuyên truyền và khuyến khích du khách về công tác bảo vệ môi trường.

- Ban hành các chính sách cấm hành khách mang chai nhựa lên đảo (nhựa dùng 1 lần), khuyến khích sử dụng dịch vụ nước uống do các đơn vị lữ hành cung cấp.

- Ban hành các chính sách khuyến khích không sử dụng túi nilon và tiến tới cấm dùng túi nilon và thu phí với sản phẩm nhựa sử dụng một lần đem lên đảo.

- Khuyến khích các sáng tạo đổi mới đột phá trong việc thay thế nhựa một lần bằng các nguyên liệu có nguồn gốc sinh học (ví dụ: túi cối, túi sợi bằng thân chuối...) (bao gồm kết hợp các các đề tài dự án nghiên cứu khoa học).

- Xây dựng các hệ thống thay thế chai nhựa dùng một lần phục vụ nước uống cho du khách và người dân (làm đầy bình, hệ thống thuê – hoàn tiền chai nước).

- Xây dựng hệ thống thay thế hộp xốp đựng thực phẩm phục vụ du khách và người dân.

- Xây dựng hệ thống xử lý rác thải tại nghĩa trang Hàng Dương.

- Thực hiện các chương trình dự án giáo dục về bảo vệ môi trường cho trẻ cấp 1-2-3 thông qua các chương trình ngoại khoá định kỳ.

- Kêu gọi đầu tư và chuyển đổi thành bãi rác Bãi Nhát khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tuần hoàn.

- Xây dựng chương trình theo dõi và thu gom rác thải nhựa đại dương.

- Thực hiện dự án thử nghiệm biến rác hữu cơ thành sản phẩm có giá trị cao hơn như phân compost.

- Thực hiện dự án thử nghiệm biến rác nhựa thành các sản phẩm khác phục vụ sinh hoạt cũng như làm quà lưu niệm cho du khách.

- Thử nghiệm các hoạt động biến các loại rác khác thành sản phẩm mới.

c) Tuần hoàn nước

- Đối với các dự án đang thực hiện:

+ Hoàn thành dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung hiện nay (giai đoạn 1: công suất xử lý 1500 m³/ng.đ) đúng tiến độ đảm bảo chất lượng nước đầu ra có thể phục vụ cho tuần hoàn tưới tiêu trong nông nghiệp.

+ Đầu tư nâng cấp nhà máy xử lý nước thải tập trung (giai đoạn 2: công suất xử lý 3.500 m³/ng.đ, tính đến năm 2030) đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo tiêu chuẩn QCVN 14:2008/cột A.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải tập trung từ các hộ gia đình, các khu dân cư.

- Các dự án/kế hoạch đề xuất:

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa cho các điểm cộng đồng trên các đảo nhỏ phục vụ nước uống và hoạt động du lịch, công suất 500L/ngày/đảo.

+ Xây dựng hệ thống cấp nước liên kết cho đảo chính, quy mô công suất dự kiến khoảng 200 m³/ng.đ.

+ Xây dựng hệ thống lọc nước biển thành nước ngọt quy mô công suất 15m³/h.

+ Xây dựng các hồ chứa nước mới trên các triền núi nhằm lưu trữ nước ngọt và cung cấp nước ngầm: quy mô thí điểm.

+ Triển khai lắp đặt các thiết bị vệ sinh tiết kiệm nước hoặc không dùng nước cho một số địa điểm cộng đồng.

+ Xây dựng lộ trình khuyến khích các cơ sở lưu trú cao cấp lắp đặt hệ thống xử lý và tuần hoàn nước thải cho các mục đích như tưới cây, dội bồn cầu, nhà vệ sinh.

+ Triển khai các công trình xử lý nước thải quy mô phân tán, tại chỗ (quy mô phục vụ từ 100 người đến 1000 người), quy mô công suất: 150 m³/ngđ/hệ thống.

+ Ban hành các văn bản hướng dẫn/chính sách liên quan về sử dụng tiết kiệm nước.

+ Ban hành các văn bản hướng dẫn/chính sách liên quan tái sử dụng nước thải trên địa bàn huyện, đặc biệt trong các cơ sở kinh doanh du lịch, các khu vực công cộng.

d) Phát triển giao thông xanh và sử dụng hiệu quả năng lượng

- Nghiên cứu nguồn năng lượng/nhiên liệu xanh (hydrogen, xăng/dầu sinh học...) sử dụng phát điện nhằm giảm phát thải khí nhà kính

- Nghiên cứu và hoàn thiện các thể chế và các chính sách hỗ trợ tiêu thụ năng lượng/nhiên liệu xanh (hydrogen, xăng/dầu sinh học ...)

- Xây dựng chính sách khuyến khích nghiên cứu sử dụng nguồn năng lượng thay thế quy mô nhỏ cho cư dân trên đảo cũng như phát triển năng lượng tái tạo và tiêu thụ nhiên liệu sinh học

- Nghiên cứu chính sách khuyến khích phát triển giao thông xanh, trong đó khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vận tải điện phục vụ khách du lịch và thúc đẩy người dân chuyển đổi sang xe chạy bằng năng lượng/nhiên liệu xanh (khí hoá lỏng, điện...)

- Lập kế hoạch, lộ trình phát triển trạm lưu trữ, cung cấp năng lượng/nhiên liệu sạch phục vụ phát triển giao thông xanh

- Nghiên cứu khả thi các loại hình giao thông khác (ví dụ: cáp treo) phục vụ du lịch

đ) Bảo tồn đa dạng sinh học

- Theo dõi, giám sát định kỳ chất lượng các hệ sinh thái rừng trên cạn, biển, rạn san hô, cỏ biển và rừng ngập mặn và kiểm soát các hoạt động gây tác động xấu đến đa dạng sinh học biển.

- Phục hồi nhân tạo để bổ sung san hô và cỏ biển ở các khu vực bị tác động không có khả năng phục hồi tự nhiên, đồng thời theo dõi, giám sát khả năng phát triển của các loài san hô và nguồn lợi thủy sản gắn liền với hệ sinh thái biển như cá, trai, ốc, cầu gai, rùa biển...

- Thành lập trung tâm cứu trợ sinh vật biển bị ảnh hưởng bởi thiên tai hoặc tác động của con người (ví dụ thú biển, chim biển, rùa biển, các loài sinh vật trong rừng bị thương hoặc bệnh tật vào bờ, hoặc bị ảnh hưởng do ngư cụ tác động...), định hướng phát triển khu nuôi bảo tồn các loài sinh vật biển nguy cấp.

- Xây dựng chương trình quản lý các hệ sinh thái biển dựa vào cộng đồng hoặc chương trình đồng quản lý tài nguyên.

- Khảo sát và thu thập cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học và phân bố các loài sinh vật, các hệ sinh thái trong Vườn Quốc gia nhằm thực hiện chuyển đổi số trong quản lý tài nguyên và bảo tồn sinh học.

- Nâng cao năng lực chuyên môn và quản lý tài nguyên cho cán bộ và nhân viên Vườn Quốc gia Côn Đảo về thiết lập cơ sở dữ liệu và chuyển đổi số.

e) Du lịch bền vững gắn với áp dụng kinh tế tuần hoàn.

- Đánh giá sức tải môi trường cho phát triển du lịch bền vững để đảm bảo lượng du khách nhất định hàng năm tới đảo. Trên cơ sở đó xác định các giải pháp khắc phục các hệ quả tiêu cực của các hoạt động du lịch hiện tại, phát triển các sản phẩm du lịch bền vững gắn với di tích lịch sử, văn hóa, tâm linh.

- Xây dựng hệ thống khách sạn theo nguyên lý tuần hoàn, được đánh giá thông qua việc xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí và công cụ đo lường dấu chân sinh thái và dấu chân carbon trong cơ sở lưu trú và được quy hoạch theo từng khu vực cụ thể: (i) Khu vực duy trì phát triển du lịch đại chúng gồm Khu phố 7, 8, 9 và khu vực nghỉ trang Hàng Dương; (ii) Khu vực phát triển du lịch chất lượng cao từng bước áp dụng các nguyên lý của Kinh tế tuần hoàn gồm các khu vực còn lại trên đảo Côn Sơn (không bao gồm Vườn quốc gia Côn Đảo); (iii) Khu vực phát triển du lịch chất lượng cao tuân thủ nghiêm ngặt nguyên lý Kinh tế tuần hoàn bao gồm các đảo nhỏ và diện tích còn lại của Vườn quốc gia Côn Đảo được cho phép khai thác (Gắn với chiến lược Không rác thải, chiến lược Tuần hoàn nước và chiến lược Phát triển và sử dụng hiệu quả năng lượng).

- Chuyển đổi khu bãi rác Bãi Nhát thành khu vực du lịch sinh thái, kết hợp xây dựng công viên trình diễn về mô hình Kinh tế tuần hoàn để ghi nhận quá trình phát triển và chuyển đổi hướng đến mô hình Kinh tế tuần hoàn của Côn Đảo (Gắn với chiến lược “Giảm thiểu rác thải, không rác thải nhựa”).

- Nghiên cứu xây dựng hình ảnh du lịch khám phá: mỗi đảo nhỏ là một sản phẩm.

- Nghiên cứu mô hình nhà ở theo nguyên lý Kinh tế tuần hoàn, nghiên cứu phát triển các loại vật liệu xây dựng thân thiện môi trường trong đó ưu tiên các nguồn nguyên liệu tại chỗ ứng dụng vào các resort, du lịch dưới tán rừng... khuyến khích doanh nghiệp thực hiện.

- Nghiên cứu phát triển mô hình du lịch gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo nguyên lý Kinh tế tuần hoàn để đa dạng hóa điểm đến bền vững cho hoạt động tham quan.

- Nghiên cứu và xây dựng mức phí điểm đến cho Côn Đảo trên cơ sở tính đủ, tính đúng chi phí xử lý rác do du khách mang đến, chi phí xử lý môi trường, bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái tự nhiên của Côn Đảo, và chi phí duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng phục vụ du khách.

- Nghiên cứu và ứng dụng mô hình tài chính xanh thông qua việc huy động các nguồn tài chính từ các quỹ bảo vệ môi trường, quỹ đầu tư phát triển, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, quỹ khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp và hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh được khuyến khích phát triển theo nguyên lý Kinh tế tuần hoàn.

- Xây dựng cơ chế chính sách thuận lợi nhằm kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông sản.

- Phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng cho Côn Đảo.

- Xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, tuần hoàn phục vụ cho người dân và du khách (thuộc trạm ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ).

- Thí điểm các mô hình nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, nuôi biển kết hợp các giải pháp Kinh tế tuần hoàn thông qua các chính sách khuyến khích và hỗ trợ về công nghệ, tài chính.

- Liên kết sản xuất nông nghiệp với hoạt động du lịch, tạo thành các điểm đến du lịch nông nghiệp và tạo thị trường đầu ra cho các sản phẩm (nông sản, đồ thủ công mỹ nghệ), đồng thời tận dụng nguồn chất thải hữu cơ từ hoạt động du lịch cho sản xuất nông nghiệp.

- Đề xuất ban hành khung pháp lý về thu phí điểm đến đối với khách tham quan Côn Đảo nhằm huy động nguồn lực xử lý các vấn đề môi trường do hoạt động du lịch gây ra và hỗ trợ ngân sách cho việc duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch của Côn Đảo, nâng cao hình ảnh du khách thân thiện môi trường khi đến đảo tham quan.

- Nghiên cứu phát triển mô hình tài chính xanh để hỗ trợ vốn cho các sáng kiến, khởi nghiệp sáng tạo theo nguyên lý Kinh tế tuần hoàn hỗ trợ, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững.

6. Kế hoạch thực hiện

a) Bộ máy vận hành

- Thành lập Ban chỉ đạo Đề án: Cử 01 đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo làm Phó trưởng ban thường trực, Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ làm Phó trưởng ban và mời Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tuần hoàn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh cùng tham gia phối hợp thực hiện.

- Thành lập Ban điều hành đề án: Ban Thường vụ Huyện ủy Côn Đảo chỉ đạo, ủy ban nhân dân huyện chủ trì; các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp hỗ trợ tổ chức thực hiện, định kỳ 06 tháng, hàng năm và giai đoạn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo; tổ chức sơ kết vào năm 2025.

- Xây dựng và ban hành các quy chế thực hiện.

b) Phân kỳ giai đoạn thực hiện

- Giai đoạn 2022-2025:

Năm đầu tiên (2022 – 2023) chuẩn bị các cơ sở pháp lý, giải pháp công nghệ, các phương án hành động và quy chế quản lý cho các đề án, dự án thuộc đề án này. Giai đoạn này tập trung vào nghiên cứu các chính sách tuần hoàn để hình thành cơ sở pháp lý vững chắc cho các giai đoạn tiếp theo. Trong đó, các chính sách về kiến tạo nguồn lực cho đề án phải được hoàn thành sẵn sàng đi vào thực thi. Bên cạnh đó, các giải pháp khoa học công nghệ, quy chế quản lý, phương án hành động cho từng đề án cụ thể cũng cần được nghiên cứu đánh giá tính khả thi, kinh tế và phù hợp cho Côn Đảo.

Trong 2 năm (2024 – 2025) cần triển khai thử nghiệm các chính sách tuần hoàn, các đề án thử nghiệm từ kết quả của các đề án nghiên cứu, kêu gọi đầu tư cho các dự án tích hợp.

- Giai đoạn 2026 – 2030: Triển khai mở rộng đề án trên cơ sở thành tựu và bài học rút ra từ giai đoạn trước.

c) Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp và phân công thực hiện kế hoạch triển khai các nhiệm vụ: Phụ lục 2 kèm theo

7. Kinh phí thực hiện

a) Giai đoạn 2022-2025:

Tổng dự toán kinh phí (khái toán): 647.730.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bảy tỷ, bảy trăm ba mươi triệu đồng*), bao gồm:

- Chi ngân sách: 523.230.000.000 đồng (81%) (*Năm trăm hai mươi ba tỷ, hai trăm ba mươi triệu đồng*).

+ Đầu tư: 347.330.000.000 đồng (54%) (*Ba trăm bốn mươi bảy tỷ, ba trăm ba mươi triệu đồng*).

+ Thường xuyên: 175.900.000.000 đồng (27%) (*Một trăm bảy mươi lăm tỷ, chín trăm triệu đồng*). Trong đó, ngân sách KHCN trung ương: 24.000.000.000 đồng (*Hai mươi bốn tỷ đồng*), ngân sách KHCN tỉnh: 66.700.000.000 đồng (*Sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm triệu đồng*), ngân sách huyện: 85.200.000.000 đồng (*Tám mươi lăm tỷ, hai trăm triệu đồng*).

- Xã hội hóa: 124.500.000.000 đồng (19%) (*Một trăm hai mươi bốn tỷ, năm trăm triệu đồng*).

b) Giai đoạn 2026-2030:

Tổng dự toán kinh phí (khái toán): 117.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, năm trăm triệu đồng*), bao gồm:

- Chi ngân sách: 55.000.000.000 đồng (47%) (*Năm mươi lăm tỷ đồng*)
- + Đầu tư: 45.000.000.000 đồng (39%) (*Bốn mươi lăm tỷ đồng*),
- + Thường xuyên: 10.000.000.000 đồng (8%) (*Mười tỷ đồng*). Trong đó: Ngân sách KHCN trung ương: 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*), Ngân sách huyện: 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*).
- Xã hội hóa: 62.500.000.000 đồng (53%) (*Sáu mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Căn cứ quyết định được phê duyệt, hàng năm các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện theo quy định.

8. Tổ chức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Điều hành đề án.
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện các giải pháp, kế hoạch, đề án, và dự án theo các chiến lược được kiến nghị cho việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thúc đẩy phát triển kinh tế cho huyện Côn Đảo được đề xuất trong đề án.
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan công bố, thông tin rộng rãi kết quả của dự án đến huyện Côn Đảo và các địa phương, các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội và người dân; tuyên truyền vận động người dân hiểu và tham gia thực hiện cái giải pháp do đề án đề xuất.
- Tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch được đề xuất. Căn cứ kết quả nghiên cứu của đề án, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các nhiệm vụ ưu tiên và bố trí nguồn kinh phí phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ đã đề xuất.
- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá hiệu quả của đề án; tổ chức sơ kết/tổng kết theo từng giai đoạn của đề án.
- Xem xét lồng ghép mô hình kinh tế tuần hoàn vào các chương trình, dự án, nhiệm vụ, hạng mục đầu tư trên địa bàn huyện Côn Đảo.

b) Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo tham mưu thành lập Ban chỉ đạo và Ban Điều hành đề án.
- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các giải pháp triển khai các đề tài, nhiệm vụ Khoa học công nghệ và các giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ theo mô hình kinh tế tuần hoàn cho huyện Côn Đảo được đề xuất trong đề án.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo và các sở, ban ngành có liên quan công bố, thông tin rộng rãi kết quả của đề án đến huyện Côn Đảo và các địa phương, các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội và người dân.

- Tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch được đề xuất. Căn cứ kết quả nghiên cứu của dự án, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các nhiệm vụ ưu tiên và bố trí nguồn kinh phí phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ đã đề xuất.

c) Sở Du lịch

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, kế hoạch về Du lịch bền vững gắn với áp dụng giải pháp kinh tế tuần hoàn trong đề án được duyệt. Đồng thời hàng năm đề xuất, bố trí nguồn vốn sự nghiệp của ngành để triển khai thực hiện các giải pháp của đề án.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, kế hoạch về chiến lược Giảm thiểu rác thải, không rác thải nhựa, tuần hoàn nước, và bảo tồn đa dạng sinh học trong đề án được duyệt. Đồng thời hàng năm đề xuất, bố trí nguồn vốn sự nghiệp môi trường để triển khai thực hiện các giải pháp của đề án.

đ) Sở Giao thông Vận Tải

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, kế hoạch trong đề án được duyệt, trong đó chủ trì các dự án, đề án, kế hoạch liên quan đến mục tiêu phát triển giao thông bền vững. Đồng thời hàng năm đề xuất, bố trí nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp của ngành để triển khai thực hiện các giải pháp liên quan của đề án.

e) Sở Công Thương

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, kế hoạch về chiến lược phát triển và sử dụng hiệu quả năng lượng trong đề án được duyệt. Trong đó, chủ trì các dự án, đề án, và kế hoạch phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng xanh. Đồng thời hàng năm đề xuất, bố trí nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp của ngành để triển khai thực hiện các giải pháp của đề án.

è) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, kế hoạch về nông nghiệp tuần hoàn, thực phẩm, phát triển du lịch bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, và phát triển năng lượng xanh.

g) Ban Quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo

Phối hợp với ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, các Sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, kế hoạch về phát triển du lịch bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, rác thải nhựa và phát triển năng lượng xanh trong đề án được duyệt. Trong đó, chủ trì các dự án, đề án, và kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học. Đồng thời hàng năm đề xuất, bố trí nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp của ngành để triển khai thực hiện các giải pháp của đề án.

h) Sở Xây dựng

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, kế hoạch về phát triển đô thị, xây dựng, du lịch bền vững. Đồng thời hàng năm đề xuất, bố trí nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp của ngành để triển khai thực hiện các giải pháp của đề án.

i) Sở Tài chính

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các đề án, dự án, đề tài trong đề án được duyệt.

k) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo; các sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan triển khai các nhiệm vụ được phân công; tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện hàng năm, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn vốn đầu tư để thực hiện các đề xuất của dự án.

Xem xét lồng ghép mô hình kinh tế tuần hoàn vào các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Côn Đảo.

l) Sở Văn hóa và Thể thao

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các Sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, kế hoạch về Du lịch bền vững gắn với áp dụng giải pháp kinh tế tuần hoàn trong đề án được duyệt.

m) Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các Sở, ban ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền các nhiệm vụ, dự án, đề án, kế hoạch về chiến lược Giảm thiểu rác thải, không rác thải nhựa, bảo vệ môi trường huyện Côn Đảo.

n) Ngân hàng Nhà nước

Phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các sở, ban ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan triển khai thử nghiệm mô hình tài chính xanh phục vụ cho chiến lược phát triển về Du lịch bền vững gắn với áp dụng giải pháp kinh tế tuần hoàn cho Côn Đảo.

o) Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các Sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền các nhiệm vụ, dự án, đề án, kế hoạch về chiến lược Giảm thiểu rác thải, không rác thải nhựa.

ô) Báo Bà Rịa-Vũng Tàu

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, các Sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền các nhiệm vụ, dự án, đề án, kế hoạch về chiến lược Giảm thiểu rác thải, không rác thải nhựa.

ơ) Các Sở, Ban ngành khác:

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị có trách nhiệm phối hợp với ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nội dung, giải pháp của đề án.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, cơ quan và đơn vị có liên quan báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, các cơ quan chủ trì có thể phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu trình ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Du lịch, Xây dựng, Công thương, Giao thông Vận tải, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, Giám đốc Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr.Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Báo BR-VT;
- Đài PTTH BR-VT;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, SKHCN; VX5(20).

(3)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông

Phụ lục 1: Danh mục các chỉ tiêu



Chỉ số Môi trường Tài nguyên	Chỉ số Kinh tế	Chỉ số xã hội, văn hóa, lịch sử
1. Tỷ lệ năng lượng tái tạo trên tổng năng lượng tiêu thụ	13. Mức độ áp dụng các mô hình/nền tảng chia sẻ (nhà ở, phương tiện...) trong hoạt động du lịch ở địa phương	21. Tác động tiêu cực của phát triển ngành/lĩnh vực lên việc bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử
2. Tỷ lệ nước cấp sinh hoạt được xử lý (tại chỗ và tập trung) đạt QCVN 01-1:2018/BYT	14. Mức độ liên kết trong việc sử dụng các nguồn đầu vào giữa hoạt động nông nghiệp và du lịch	22. Tác động tiêu cực của phát triển ngành/lĩnh vực đến sự hài lòng của người dân
3. Tỷ lệ nước được tái sử dụng trên tổng lượng nước sử dụng	15. Mức độ hoạt động sửa chữa, bảo trì, tân trang, mua bán, trao đổi máy móc, đồ điện tử đã qua sử dụng ở địa phương	23. Truyền thông/đào tạo về giảm rác thải hữu cơ
4. Tỷ lệ các nguồn nguyên vật liệu được tái chế/tái sử dụng trên tổng nguyên vật liệu sử dụng	16. Tỷ lệ doanh nghiệp xây dựng và thực hiện đúng các quy trình về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường trong sản xuất	24. Hoạt động truyền thông/đào tạo về giảm thiểu rác thải/rác thải nhựa
5. Tỷ lệ tái chế chất thải xây dựng	17. Doanh nghiệp khởi nghiệp về KTTH	25. Chương trình, hoạt động truyền thông/đào tạo về KTTH
6. Tỷ lệ tái chế chất thải điện tử	18. Tỷ lệ doanh nghiệp du lịch theo hướng KTTH/sinh thái	26. Chương trình/hoạt động (nhà nước, các tổ chức quốc tế, công ty) thúc đẩy KTTH
7. Khối lượng/tỷ lệ chất thải hữu cơ được tận dụng	19. Tỷ lệ diện tích canh tác hữu cơ trên tổng diện tích đất nông nghiệp	27. Số lượng chính sách thúc đẩy giải pháp KTTH, tiêu dùng xanh, sản xuất và tiêu dùng bền vững cho mỗi ngành/lĩnh vực
8. Tỷ lệ tái chế chất thải rắn	20. Tỷ lệ làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến KTTH (du lịch, nhà hàng....)	28. Mức độ nhận thức chung về KTTH của người dân
9. Tỷ lệ tái chế bao bì		
10. Tỷ lệ nước thải được xử lý trên tổng khối lượng nước thải		
11. Khối lượng chất thải được chôn lấp		
12. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải nhựa trên tổng lượng phát sinh		

Phụ lục 2: Phân công thực hiện kế hoạch triển khai các nhiệm vụ

MÃ SỐ		NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ		KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
I	Giai đoạn 2022 - 2025							
1	Dự án quản lý, điều phối triển khai đề án Kinh tế tuần hoàn	15.000 triệu	2022 - 2023 và tiếp tục triển khai vào các năm sau	Ngân sách Nhà nước (thường xuyên huyện)	UBND huyện Côn Đảo	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, tổ chức có liên quan		
2	Kế hoạch nâng cao nhận thức về KTTH gắn liền với phát triển bền vững							
	1.Tổ chức định kỳ năm 2 lần về nâng cao nhận thức cho học sinh về rác nhựa, bảo vệ môi trường, sử dụng nước tiết kiệm	500 triệu/năm	2022 -2023 và tiếp tục triển khai vào các năm sau	Ngân sách Nhà nước (thường xuyên)	UBND huyện Côn Đảo	1.Sở Khoa học và Công nghệ 2. Sở Tài chính 3. Sở Tài nguyên và Môi trường 4. Các tổ chức phi chính phủ		
	2.Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho cán bộ cấp quản lý nhà nước (1 lần/năm)	530 triệu/năm						



Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	3. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường gắn với bảo vệ sức khoẻ và phát triển kinh tế cho người dân trên đảo (2-3 cuộc/năm)	1.000 triệu/năm		huyện)	Sở Khoa học và Công nghệ	
	4. Tổ chức các cuộc thi sáng tác liên quan đến môi trường đối với các em học sinh (1 cuộc thi/năm)	300 triệu/năm		Xã hội hóa	UBND huyện Côn Đảo	
	5. Tổ chức các khóa học ngắn hạn đối với nhân viên làm trong lĩnh vực du lịch (2-3 khóa/năm)	1.000 triệu/năm				
	Thực hiện trong 3 năm, mỗi năm khoảng hơn 3 tỷ, bắt đầu từ 2022-2023					
	Kết hợp thực hiện với PRO, WWF, ...					
3	Kế hoạch nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn tại Côn Đảo			UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Tài nguyên và Môi trường 2. Sở Tài chính 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư 4. Sở Xây dựng 5. BQL VQG Côn Đảo	
	1. Xây dựng chiến lược thực hiện kế hoạch	500 triệu	2023 - 2025	Ngân sách Nhà nước	UBND huyện Côn Đảo	
	2. Xây dựng chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân phục vụ phân loại rác tại nguồn	3.000 triệu				
	3. Xây dựng chương trình truyền thông nâng cao nhận thức cho du khách phục vụ phân loại rác tại nguồn	2.500 triệu				
	4. Xây dựng chương trình truyền thông cho nhà quản lý/nhân viên	1.500 triệu				
	5. Xây dựng chương trình giám thiêu nhựa trong nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ	1.000 triệu				



NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ			KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	6. Tập huấn nâng cao năng lực cho nhân viên thu gom		1.000 triệu				
4	Dự án giảm túi nilon và nhựa dùng một lần và sử dụng vật liệu thay thế thân thiện môi trường			2023 - 2025	Ngân sách Nhà nước	UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Tài nguyên và Môi trường 2. Sở Khoa học và Công nghệ 3. Sở Du lịch
	1. Nghiên cứu ban hành các văn bản liên quan nhằm giảm thiểu sử dụng nhựa dùng một lần		500 triệu				
	2. Chương trình nâng cao nhận thức		1.000 triệu				
	3. Hỗ trợ tài chính cho việc sử dụng túi nhựa phân hủy sinh học		12.000 triệu/2 năm				
	4. Chương trình thúc đẩy sử dụng sản phẩm thay thế nhựa dùng một lần		6.000 triệu đồng/2 năm				
5	5. Nghiên cứu giải pháp vật liệu thay thế		2.000 triệu			UBND huyện Côn Đảo	1.Sở Xây Dựng 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Du lịch 4. Sở Khoa học và Công nghệ
	Dự án xây dựng hệ thống thay thế chai nhựa dùng một lần						
	1. Xây dựng hệ thống cho thuê - hoàn tiền chai nước		1.000 triệu	2022 - 2023	Ngân sách nhà nước (đầu tư)	Sở Xây Dựng	
	2. Đầu tư chai nước dùng nhiều lần		2.500 triệu			UBND huyện Côn Đảo	

Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	3. Xây dựng hệ thống cấp nước phục vụ refill	5.000 triệu	2023 - 2025		Sở Xây Dựng	
	4. Tuyên truyền/vận động/quảng bá	2.000 triệu			UBND huyện Côn Đảo	
6	Dự án xây dựng hệ thống thay thế hộp đựng đồ ăn dùng một lần		2023 - 2025	Ngân sách Nhà nước	UBND Côn Đảo	1.Sở Xây Dựng 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Du lịch 4. Sở Khoa học & Công nghệ
	1. Xây dựng hệ thống cho thuê - hoàn tiền hộp đựng đồ ăn	2.000 triệu				
	2. Đầu tư hộp đựng đồ ăn dùng nhiều lần	5.000 triệu				
	3.Tuyên truyền/vận động/quảng bá	2.000 triệu				
7	Dự án nâng cao quản lý rác nghĩa trang Hàng Dương		2023 - 2025	Ngân sách Nhà nước	UBND huyện Côn Đảo	1.Sở Khoa học và Công nghệ 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 4. Sở Xây dựng
	1. Xây dựng hệ thống xử lý rác hữu cơ	3.200 triệu				
	2. Chương trình nâng cao nhận thức đối với du khách, cửa hàng kinh doanh tâm linh	3.000 triệu				
	3. Chi phí vận hành	2.000 triệu/2 năm				
8	Nhóm dự án nghiên cứu phát triển các sản phẩm từ rác trên địa bàn huyện Côn Đảo					
8A	Nhóm dự án nghiên cứu phát triển các sản phẩm kinh tế tuần hoàn từ rác hữu cơ				UBND huyện Côn	1. Sở Khoa học và Công nghệ



NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ			KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
8B	1. Xây dựng mô hình sản phẩm kinh tế tuần hoàn từ rác hữu cơ (ví dụ: phân compost, than sinh học)			3.200 triệu	Ngân sách Nhà nước	Đảo	2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 4. Sở Xây dựng
	2. Mở rộng hệ thống sản phẩm kinh tế tuần hoàn			8.000 triệu			
	3. Xây dựng chiến dịch quảng bá sản phẩm			2.000 triệu		Sở Khoa học và Công nghệ UBND huyện Côn Đảo	
	Nhóm dự án nghiên cứu phát triển các sản phẩm kinh tế tuần hoàn từ rác thải nhựa					UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Khoa học và Công nghệ 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 4. Sở Xây dựng
	1. Xây dựng mô hình sản phẩm kinh tế tuần hoàn từ rác thải nhựa			4.500 triệu	Ngân sách Nhà	Sở Khoa học và	

Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	2. Mở rộng sản phẩm kinh tế tuần hoàn từ rác thải nhựa	7.000 triệu		nước	Công nghệ	
	3. Xây dựng chiến dịch quảng bá sản phẩm	3.000 triệu			UBND huyện Côn Đảo	
N3	Dự án cấp Quốc gia: Nghiên cứu xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn trong giảm thiểu, xử lý rác thải nhựa cho vùng biển, hải đảo: áp dụng thử nghiệm tại Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu				Sở Khoa học và Công nghệ	1. UBND huyện Côn Đảo; 2. Trường, Viện Nghiên cứu
	1. Đánh giá mức độ ô nhiễm và các tác động kinh tế - xã hội, sinh thái của rác nhựa và xác định nguồn gốc phát sinh rác nhựa tại Côn Đảo	2.000 triệu	2023 - 2025	Ngân sách Nhà nước		
	2. Phân tích, đánh giá khả năng áp dụng mô hình KTTT trong giảm thiểu rác nhựa tại Côn Đảo	500 triệu		Bộ Khoa học và		



MÃ SỐ	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
3.	Nghiên cứu xây dựng chương trình và thực hiện hành động giảm thiểu rò rỉ rác nhựa từ các hoạt động du lịch, thủy sản và sinh hoạt, khuyến khích các hoạt động tận dụng nguồn thải của các ngành khác nhau, đồng thời tạo nguồn nguyên liệu cho các hoạt động thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn trong xử lý rác nhựa	3.500 triệu		Công nghệ 90% + Vốn Ngân sách địa phương 10%		
4.	Áp dụng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn dựa trên ứng dụng công nghệ kết hợp với nội dung 3 để xử lý rác nhựa tại Côn Đảo	3.000 triệu				
5.	Đánh giá tính hiệu quả của đề tài và đề xuất các giải pháp về chính sách trong quản lý rác nhựa theo hướng phát triển bền vững	500 triệu				
6.	Xây dựng kế hoạch chi tiết về “Côn Đảo không có rác nhựa” và được chính quyền địa phương phê duyệt	500 triệu				
9	Đề tài xây dựng mô hình theo dõi rác thải đại dương bằng công cụ viễn thám				Sở Khoa học và Công nghệ	1. BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư 5. UBND huyện

Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
10	1. Xây dựng mô hình theo dõi và dự báo rác thải trên biển sử dụng ảnh vệ tinh, drone	5.000 triệu	2023 - 2025	Ngân sách Nhà nước (thường xuyên KHCN)	Sở Khoa học và Công nghệ	Côn Đảo 6. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên Phòng
	2. Xây dựng hệ thống giám sát rác thải ở bờ biển áp dụng drone và AI	3.000 triệu				
	3. Xây dựng hệ thống thu gom rác thải đại dương thông qua hệ thống phao nổi trên biển	3.000 triệu				
	4. Tập huấn/đào tạo	1.000 triệu				
	5. Duy trì hoạt động hàng năm (sau khi đề tài được nghiệm thu và chuyển giao sản phẩm)	2.000 triệu/2 năm				
10	Dự án xử lý rác nhựa biển tại khu vực Vườn Quốc gia Côn Đảo				BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo; UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Tài nguyên và Môi trường 2. Sở Khoa học và Công nghệ 3. UBND huyện Côn Đảo 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn



NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ		KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	1. Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình thu gom rác nhựa biển tại khu vực VQG	2.000 triệu	2023 - 2025	Ngân sách Nhà nước	BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo	BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo
	2. Chương trình truyền thông/nâng cao nhận thức	1.000 triệu			UBND huyện Côn Đảo	
	3. Duy trì hoạt động hàng năm	1.000 triệu			BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo	
	4. Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình thu gom rác nhựa biển tại khu vực VQG	5.000 triệu				
11	Dự án kêu gọi đầu tư để chuyển đổi bãi rác Bãi Nhát thành khu du lịch, cơ sở nghỉ dưỡng				UBND huyện Côn Đảo	1.Sở Tài nguyên và Môi trường 2. Sở Xây Dựng 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư 4. BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo
	1. Điều tra, đánh giá hiện trạng	500 triệu	2024 - 2025	Ngân sách Nhà nước	UBND huyện Côn Đảo	
	2. Xây dựng bộ tiêu chí	200 triệu				

Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	3. Thiết kế tổng thể, phân khu chức năng	1.000 triệu				
	4. Phân tích tài chính	200 triệu				
	5. Hội nghị xúc tiến đầu tư	300 triệu				
12	Dự án bảo tồn đa dạng sinh học và phục hồi nguồn lợi thủy sản vùng biển huyện Côn Đảo				BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo	1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 2. Sở Khoa học và Công nghệ 3. UBND huyện Côn Đảo 4. Sở Tài nguyên và Môi trường 5. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên Phòng
	1. Xây dựng chương trình đồng quản lý tài nguyên sinh vật giúp cải thiện sinh kế người dân và góp phần bảo tồn đa dạng sinh học	500 triệu	2022 - 2024	Ngân sách Nhà nước	BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo	
	2. Thiết lập cơ sở dữ liệu và số hoá thông tin đa dạng sinh học và phân bố các loài sinh vật trong Vườn Quốc gia	2.000 triệu	2023 - 2025		Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	



NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ		KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	3. Thành lập khu vực cứu hộ và chăm sóc các loài sinh vật biển (ví dụ rùa biển,...) mắc nạn, tổn thương (Xây dựng cơ sở chăm sóc và các thiết bị cứu hộ)	3.000 triệu	2023 - 2024		BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo	
	4. Duy trì hoạt động hàng năm	500 triệu	2024 - 2025			
	5. Chương trình phục hồi hệ sinh thái biển (rạn san hô cứng và cỏ biển) ở các vùng đang bị suy thoái và không có khả năng tái tạo tự nhiên	2.000 triệu	2023 - 2025	Xã hội hóa		
13	Dự án Xây dựng các hồ chứa nước mới trên các triền núi nhằm lưu trữ nước ngọt và cung cấp nước ngầm.				UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Kế hoạch và Đầu tư 2. Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	1. Khảo sát hiện trạng và xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn địa điểm xây dựng hồ chứa nước trên các triền núi	1.000 triệu	2023 -2024	Đầu tư công		
	2. Xây dựng mở rộng, cải tạo nạo vét, bờ kè các hồ nước ngọt, kè bờ biển để tích trữ nước; lựa chọn vật liệu bê tông cốt sợi để xây dựng kè hồ, kè biển, đê đập.)	10.000 triệu	2023 -2025	Ngân sách Nhà nước		

Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ		KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	
	3. Thiết lập các hồ khô, hồ ứot, hồ đệm tại các điểm tụ thủy của các khe nước trên núi xuống		3.000 triệu	2024 -2025				
	4. Xây dựng các đập chứa nước, tại vùng thấp trũng để chứa và thấm nước mưa		6.000 triệu					
N1	Dự án cấp Quốc gia: Ứng dụng Kinh tế tuần hoàn trong cung cấp nguồn nước bền vững tại huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		7.000 triệu		2023 - 2025	Ngân sách Nhà nước 90% Bộ Khoa học và Công nghệ, 10% Ngân sách tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	1. UBND huyện Côn Đảo 2. Trường, Viện nghiên cứu
	1. Xây dựng mô hình trình diễn cấp nước bền vững có tính đến đặc điểm vùng miền và văn hóa của Côn Đảo: 01 hệ thống thu gom nước mưa, công suất 500L/ngày; hệ thống cấp nước liên kết công suất 50 m ³ /ngày; hệ thống xử lý nước thải quy mô 20 m ³ /ngày							
	2. Xây dựng hệ thống IoT cho mô hình cấp nước		2.000 triệu			UBND huyện Côn Đảo		
	3. Đề xuất biện pháp nhân rộng mô hình		1.000 triệu	2024		Sở Khoa học và Công nghệ		
N2	Dự án cấp Quốc gia: Dự án Thu gom và xử lý nước thải khu trung tâm huyện Côn Đảo					UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Tài nguyên và Môi trường 2. Sở Khoa học và Công nghệ	



NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ		KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
14	1. Giám sát chất lượng nước thải sau xử lý (giám sát 06 chỉ tiêu: COD hoặc TOC, lưu lượng nước thải đầu vào và ra, SS, pH, Nhiệt độ, NH4+) và chất lượng nước hồ An Hải 2 sau khi tiếp nhận nước thải	5.000 triệu	2023	Đầu tư trung hạn (167 tỉ) từ địa phương 15 tỉ (5 tỉ KHCN địa phương, 10 vốn thường xuyên từ huyện)		3. Sở Kế hoạch và Đầu tư
	2. Xây dựng dự án tái sử dụng nước thải trước khi xả ra biển công suất khoảng 100 m ³ /ngày	25.000 triệu	2023 - 2024			
	3. Giải pháp tái sử dụng bùn cặn từ trạm xử lý	5.000 triệu				
	Kế hoạch ứng dụng mô hình tiết kiệm nước: sử dụng thiết bị vệ sinh tiết kiệm nước hoặc không dùng nước; tái sử dụng nước thải				UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Du lịch 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Xây dựng 4. Sở Khoa học và Công nghệ
	1. Khảo sát hiện trạng sử dụng thiết bị vệ sinh của Côn Đảo, tập trung vào các khách sạn, điểm du lịch	500 triệu	2022 - 2023	Ngân sách Nhà	Sở Du lịch	

Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
15	2. Ban hành quy định về việc lắp đặt thiết bị tiết kiệm nước và xử lý nước thải tại các cơ sở kinh doanh. Tổ chức kiểm tra, nhắc nhở các cơ sở thực hiện theo quy định	1.500 triệu	2023 - 2025	nước	Sở Tài nguyên và môi trường	
	3. Thử nghiệm làm mẫu tại 03 địa điểm công cộng như bến tàu hoặc công viên: Lắp đặt thiết bị vệ sinh tiết kiệm nước hoặc không dùng nước, xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m3/ngđ/địa điểm	20.000 triệu đồng	2024 - 2025	Xã hội hóa	UBND huyện Côn Đảo	
	4. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng sở tay hướng dẫn cho người dân và các cơ sở kinh doanh về cách thức tiết kiệm nước	3.000 triệu	2024 - 2025		Sở Xây dựng	
	5. Xây dựng lộ trình khuyến khích các cơ sở lưu trú cao cấp lắp đặt hệ thống xử lý và tuần hoàn nước thải cho các mục đích như tưới cây, dội bồn cầu, nhà vệ sinh	4.000 triệu	2024 - 2025		Sở Xây dựng	
	Nhóm dự án ứng dụng hệ thống cấp nước liên kết và điện mặt trời nổi cho các đảo nhỏ phục vụ du lịch					
15	1. Điều tra hiện trạng nguồn cấp nước, đánh giá khả năng cấp nước các nguồn nước tại các đảo nhỏ	1.000 triệu	2022 – 2023	Ngân sách Nhà	BQL Vườn Quốc gia	1. BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Khoa học và



NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ		KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	2. Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tại các điểm cộng đồng phục vụ du lịch cho các đảo nhỏ công suất 500L/ngày, dự kiến 1 hệ/đảo nhỏ: 25.000 triệu (Trong đó: vốn NSNN – 4 hệ, vốn XHH: 12 hệ)	25.000 triệu	2023 – 2025	nước	Côn Đảo	Công nghệ
	3. Đánh giá hiệu quả mô hình và tập huấn đào tạo, hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng mô hình, chuyển giao công nghệ: 1.500 triệu	1.500 triệu			UBND huyện Côn Đảo	
	2. Xây dựng trạm cấp nước liên kết sử dụng đa dạng nguồn cấp nước: nước mưa, nước mặt, nước biển phục vụ du lịch, tổng công suất khoảng 500 m3/ngđ: 15.000 triệu	15.000 triệu		Xã hội hóa		
16	Nhóm dự án xây dựng hệ thống lọc nước biển thành nước ngọt và hệ thống xử lý nước thải cho khu vực ven biển khó tiếp cận với nguồn nước cấp chính 1. Khảo sát, lập hồ sơ đánh giá hiện trạng, ban hành chính sách hợp tác, ưu đãi theo quy định pháp luật để đầu thầu nhà đầu tư PPP 2. Xây dựng nhà máy lọc nước biển, quy mô công suất 15 m3/h, sử dụng công nghệ màng lọc cho các khu vực khó tiếp cận với nguồn cấp nước chính (Chi phí phần thiết bị: 7.000 triệu đồng; Phần xây dựng: 5.000 triệu đồng) 3. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải quy mô phân tán sử dụng bể xử lý hợp khối và tái sử dụng nước thải thí điểm cho 02 địa điểm ven biển, quy mô công suất	1.000 triệu 12.000 triệu 10.000 triệu	2023 2023-2024 2023 - 2025	Xã hội hóa	UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Khoa học và Công nghệ 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	khoảng 100 m3/ngày/khách sạn (Chi phí thiết bị: 5.000 triệu đồng; Chi phí xây dựng: 5.000 triệu đồng)					
17	Nghiên cứu giải pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính gắn với xây dựng mô hình bán tín chỉ carbon huyện Côn Đảo	600 triệu	2023 - 2025	Ngân sách Nhà nước	BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo	1. Sở Tài nguyên và Môi trường 2. Sở Khoa học và Công nghệ 3. UBND huyện Côn Đảo
	1. Đánh giá tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính từ rừng và biển Côn Đảo và khả năng xây dựng mô hình bán tín chỉ carbon				Sở Khoa học và Công nghệ	
	2. Xây dựng kế hoạch và triển khai thí điểm mô hình quản lý rừng và biển Côn Đảo gắn với mô hình bán tín chỉ carbon		2023 - 2025		BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo	
	3. Đánh giá và kiểm kê hàng năm công tác bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng biển nhằm kinh doanh tín chỉ carbon		2024 - 2025			
18	Đề tài đánh giá sức chịu tải môi trường (kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường) và đề ra giải pháp phát triển các hoạt động du lịch gắn với di tích lịch sử, văn hóa tâm linh theo theo hướng phát triển du lịch bền vững huyện Côn Đảo				Sở Khoa học và Công nghệ	1. Sở Du lịch 2. UBND huyện Côn Đảo 3. Sở Tài nguyên và Môi trường 4. BQL Vườn QG



NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ		KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH		NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	1. Đánh giá hiện trạng và tác động kinh tế - xã hội và môi trường khu vực dự kiến triển khai mô hình	1.000 triệu	2023	Xã hội hóa		
	2. Xây dựng các mô hình thí điểm (3 mô hình, 12 lồng nuôi)	16.500 triệu	2023 - 2025			
	3. Hỗ trợ xây dựng điểm đến du lịch	1.500 triệu				
	4. Tổ chức tập huấn, hội thảo	600 triệu				
	5. Đánh giá hiệu quả mô hình	400 triệu				
20	Đề án nghiên cứu các sản phẩm du lịch và chiến lược marketing cho hệ thống các đảo của Côn Đảo				UBND huyện Côn Đảo	1.Sở Du lịch 2.Sở Khoa học và Công nghệ 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư 4. Sở Tài nguyên và Môi trường 5. BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo
	1. Thuê chuyên gia khảo sát thực địa, ghi hình 15 đảo và VQG (bằng trực thăng và tàu)	500 triệu	2023	Ngân sách Nhà nước		
	2. Tham quan học hỏi mô hình du lịch đảo ở các quốc gia lân cận	500 triệu				



NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ		KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	3. Phân tích dữ liệu, xây dựng mô hình sản phẩm (nội dung, loại hình, tài liệu hình ảnh, các biện pháp thực thi)	1.500 triệu		Xã hội hóa		
	5. Xây dựng bộ nhận diện (hình ảnh, logo, slogan) cho sản phẩm mới	500 triệu				
	6. Chuyển giao và phát triển mô hình sản phẩm (trong phạm vi và khu vực cho phép)	7.000 triệu				
21	Đề án nghiên cứu đánh giá chi phí dịch vụ môi trường và tài nguyên nhằm xác định mức phí điểm đến phù hợp cho việc xây dựng nguồn tài chính bền vững từ các hoạt động du lịch, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững Côn Đảo				UBND huyện Côn Đảo	1.Sở Tài Chính 2. Sở Tài nguyên và Môi trường
	1. Chi phí khảo sát đánh giá công tác thu gom xử lý chất thải từ các khu vực hoạt động du lịch, các cơ sở lưu trú và các dịch vụ du lịch khác	500 triệu	2023 - 2024	Ngân sách Nhà nước		
	2. Chi phí khảo sát, đánh giá, tính toán mức chi phí môi trường và tài nguyên phục vụ cho các hoạt động du lịch	1.000 triệu				
	3. Chi phí khảo sát đánh giá mức chi phí duy tu bảo dưỡng các cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch	500 triệu				
	4. Tổng hợp, tính toán, xây dựng báo cáo về mức phí điểm đến phù hợp cho Côn Đảo và kế hoạch quản lý, sử dụng nguồn ngân sách (Thành lập và vận hành Quỹ "Hoàn trả môi trường và bảo tồn thiên nhiên Côn Đảo")	1.000 triệu				

Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
22	Đề án thử nghiệm mô hình tài chính xanh cho các khởi nghiệp sáng tạo theo mô hình KTTT	500 triệu	2023 và triển khai hàng năm	Ngân sách Nhà nước (thường xuyên 30%) Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh BR-VT + Các nguồn tài chính khác (70%)	UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Tài Chính 2. Ngân hàng nhà nước
		500 triệu				
	1. Xây dựng đề án và mô hình lý thuyết	500 triệu				
	2. Vốn cho giai đoạn thử nghiệm (2 năm)	5.000 triệu				
	3. Chi phí vận hành thử nghiệm	500 triệu				
	4. Chuyển giao mô hình và nhân rộng - xã hội hóa	14.000 triệu				



NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ		KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
23	Dự án xây dựng và triển khai trạm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ Côn Đảo	87.330 triệu	2023 - 2030	Ngân sách Nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	1. Sở Tài nguyên và Môi trường 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 3. UBND huyện Côn Đảo 4. Sở Du lịch
23A	Dự án xây dựng trạm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ Côn Đảo	75.330 triệu	2023 - 2030	Ngân sách Nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	1. Sở Tài nguyên và Môi trường 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 3. UBND huyện Côn Đảo 4. Sở Du lịch
23B	Phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, tuần hoàn phục vụ nhu cầu người dân và khách du lịch				Sở Khoa học và Công nghệ	1. Sở Tài nguyên và Môi trường 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 3. UBND huyện Côn Đảo

Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
24	1. Xây dựng các mô hình thí điểm (ví dụ: mô hình trồng rau, hoa trong nhà màng, hệ thống tưới tiết kiệm nước) (3 mô hình 1.500 m ² /mô hình)	9.000 triệu	2023	Ngân sách Nhà nước		4. Sở Du lịch
	2. Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp sản xuất với doanh nghiệp tiêu thụ, du lịch trên địa bàn huyện	1.000 triệu	2023 - 2025			
	3. Phát triển 1-2 các điểm đến du lịch nông nghiệp đồng	1.000 triệu				
	4. Tổ chức tập huấn, hội thảo	1.000 triệu				
	Đề án nghiên cứu mô hình nhà ở không phát thải cacbon, vật liệu tái chế, thân thiện môi trường phục vụ hoạt động xây dựng huyện Côn Đảo (ví dụ: phục vụ Du lịch Dưới tán rừng)					
	1. Đề xuất mô hình phù hợp	500 triệu	2023 - 2024	Xã hội hóa		
	2. Xây dựng mô hình thử nghiệm tại xưởng	1.000 triệu				
	3. Xây dựng thử nghiệm tại hiện trường	3.000 triệu				
					UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Kế hoạch và Đầu tư 2. Sở Xây dựng 3. Sở Tài nguyên và Môi trường 4. Sở Khoa học và Công nghệ



NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ		KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	4. Hội thảo + nghiệm thu hiện trường	500 triệu				
	5. Chuyển giao và bước đầu thương mại hóa	5.000 triệu				
25	Đề án nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển giao thông giảm khí thải giai đoạn 2026 – 2030 huyện Côn Đảo				Sở Giao thông vận tải	1. Sở Tài nguyên và Môi trường 2. UBND huyện Côn Đảo 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư 4. Sở Khoa học và Công nghệ
	1. Phát triển chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vận tải điện phục vụ khách du lịch và thúc đẩy người dân chuyển đổi sang xe chạy bằng năng lượng xanh	1.000 triệu	2024 - 2025	Ngân sách Nhà nước		
	2. Rà soát và bổ sung chính sách kêu gọi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hệ thống hạ tầng cung cấp và lưu trữ nguyên liệu/năng lượng xanh (nhu cầu, công nghệ, vị trí lắp đặt)	1.000 triệu	2023 - 2024			
	3. Nghiên cứu thu phí bảo vệ môi trường với sản phẩm xăng dầu trên đảo (trừ dầu phục vụ cho sản xuất, đánh bắt thủy sản)	1.000 triệu				
	4. Nghiên cứu nguồn năng lượng hydrogen sạch sử dụng phát điện	3.500 triệu		Xã hội hóa		

Mã số	NHIỆM VỤ/NỘI DUNG NHIỆM VỤ	KINH PHÍ DỰ KIẾN (VNĐ)	LỘ TRÌNH	NGUỒN VỐN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ/ THỰC HIỆN CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
	5. Hoàn thiện các chế và các chính sách hỗ trợ tiêu thụ nhiên liệu sinh học (biodiesel) và hydrogen	500 triệu		Ngân sách Nhà nước		

II - Giai đoạn 2026 - 2030

4	Dự án giảm túi nilon và nhựa dùng một lần và sử dụng vật liệu thay thế thân thiện môi trường (Giai đoạn 2)	2026 - 2030			UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Tài nguyên và Môi trường 2. Sở Khoa học và Công nghệ 3. Sở Du lịch
		30.000 triệu/5 năm	Ngân sách Nhà nước			
5	1. Hỗ trợ tài chính cho việc sử dụng túi nhựa phân hủy sinh học	15.000 triệu đồng/5 năm			UBND huyện Côn Đảo	1.Sở Xây Dựng 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Du lịch 4. Sở Khoa học và Công nghệ
	2. Chương trình thúc đẩy sử dụng sản phẩm thay thế nhựa dùng một lần					
6	Dự án xây dựng hệ thống thay thế chai nhựa dùng một lần (Giai đoạn 2)				UBND huyện Côn Đảo	1.Sở Xây Dựng 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Du lịch 4. Sở Khoa học và Công nghệ
	Dự án tự vận hành hoạt động kinh doanh					
7	Dự án xây dựng hệ thống thay thế hộp đựng đồ ăn dùng một lần (Giai đoạn 2)				UBND huyện Côn Đảo	1.Sở Xây Dựng 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Du lịch 4. Sở Khoa học và Công nghệ
	Dự án tự vận hành hoạt động					
7	Dự án nâng cao quản lý rác nghĩa trang Hàng Dương (Giai đoạn 2)				UBND huyện Côn Đảo	1.Sở Khoa học và Công nghệ 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Nông
	Chi phí vận hành	5.000 triệu/5 năm				

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

15	 hoặc không dùng nước, xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m ³ /ngày và tái sử dụng nước thải Nhóm dự án ứng dụng hệ thống cấp nước liên kết và điện mặt trời nổi cho các đảo nhỏ phục vụ du lịch (Giai đoạn 2) Xây dựng điện mặt trời nổi cho 01 đảo nhỏ	12.500 triệu	2026 - 2030	Xã hội hóa	UBND huyện Côn Đảo	4. Sở Khoa học và Công nghệ 1. BQL Vườn Quốc gia Côn Đảo 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Khoa học và Công nghệ
16	Nhóm dự án xây dựng hệ thống lọc nước biển thành nước ngọt và hệ thống xử lý nước thải cho khu vực ven biển khó tiếp cận với nguồn nước cấp chính (Giai đoạn 2) Xây dựng thêm 03 hệ thống xử lý nước thải tại chỗ và tái sử dụng nước thải cho 03 địa điểm, quy mô công suất khoảng 100 m ³ /ngày/hệ: (Chi phí thiết bị: 12.000 triệu đồng; Chi phí xây dựng: 10.000 triệu đồng)	22.000 triệu	2026 - 2030	Xã hội hóa	UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Khoa học và Công nghệ 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư
23	Dự án xây dựng và triển khai trạm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ Côn Đảo					
23A	Dự án xây dựng trạm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ Côn Đảo (Giai đoạn 2) Tiếp nối giai đoạn 1		2026 - 2030	Ngân sách Nhà nước	Sở Khoa học & Công nghệ	1. Sở Tài nguyên và Môi trường 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 3. UBND huyện Côn Đảo 4. Sở Du lịch
26	Dự án nghiên cứu tiền khả thi vận chuyển hành khách cho Côn Đảo (ví dụ: bằng cáp treo) phục vụ phát triển du lịch				Sở Kế hoạch và Đầu tư	1. UBND huyện Côn Đảo 2. Ban Quản lý VQG Côn Đảo 3. Ban chỉ huy Quân sự huyện

	1. Khảo sát các tuyến di chuyển trên địa bàn đảo lớn	7.000 triệu	2026 - 2030	Xã hội hóa		Còn Đảo 4. Sở Giao thông vận tải 5. Sở Tài nguyên và Môi trường 5. Sở Khoa học và Công nghệ
	2. Nghiên cứu tiền khả thi, lập phương án kêu gọi đầu tư					
27	Nghiên cứu kêu gọi đầu tư các trạm cung cấp và lưu trữ điện, nhiên liệu/năng lượng xanh phục vụ nhu cầu giao thông				UBND huyện Côn Đảo	1. Sở Kế hoạch và Đầu tư 2. Sở Giao thông vận tải 3. Sở Công Thương
	1. Nghiên cứu, khảo sát giải pháp công nghệ, vị trí đặt trạm cung cấp và lưu trữ điện, nhiên liệu/năng lượng xanh	1.000 triệu	2026 - 2030	Xã hội hóa		
	2. Thiết kế, xây dựng 2 trạm cung cấp và lưu trữ điện, nhiên liệu/năng lượng xanh phục vụ giao thông	6.000 triệu				

Ghi chú: Tổng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nêu trên sẽ được tính toán và xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự toán và trình duyệt nhiệm vụ. Đối với các đề tài/dự án khoa học và công nghệ: nội dung và kinh phí thực hiện có thể điều chỉnh khi triển khai cụ thể để phù hợp với tình hình thực tiễn.